CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 79/2018/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2018*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về quản lý, bảo quản vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, sửa chữa vũ khí; huấn luyện, cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; thẩm quyền, trình tự, thủ tục làm mất tính năng, tác dụng và xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật; thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy xác nhận, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; kiểm tra công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; trách nhiệm quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân liên quan đến quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Làm mất tính năng, tác dụng của vũ khí, công cụ hỗ trợ là việc tổ chức, doanh nghiệp có chuyên môn kỹ thuật về vũ khí, công cụ hỗ trợ thực hiện các biện pháp làm mất khả năng sử dụng của vũ khí, công cụ hỗ trợ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất.

2. Huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ là hoạt động của cơ quan có thẩm quyền trong việc phổ biến các quy định của pháp luật, hướng dẫn bảo quản, vận chuyển, cấu tạo, tính năng, tác dụng, kỹ năng sử dụng đối với từng loại vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

3. Kho vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ là công trình được xây dựng trên một địa điểm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bố trí, thiết kế, xây dựng đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để cất giữ, bảo quản vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

4. Nơi cất giữ vũ khí, công cụ hỗ trợ là địa điểm được cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp bố trí để cất giữ, bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ bảo đảm an toàn, an ninh, phòng chống cháy, nổ.

5. Phân loại vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ là việc phân chia, đánh giá, phân cấp chất lượng, giá trị sử dụng, tính chất nguy hiểm và thống kê theo từng loại vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

Điều 4. Quản lý, bảo quản vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

1. Việc quản lý, bảo quản vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 9 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và quy định sau đây:

a) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sau khi được trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải quản lý, bảo quản tại kho, nơi cất giữ và làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép sử dụng, giấy xác nhận đăng ký theo quy định; chỉ được sử dụng khi có giấy phép sử dụng hoặc giấy xác nhận đăng ký;

b) Kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải được bố trí địa điểm bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự, phòng, chống cháy, nổ; xây dựng phương án bảo vệ; có nội quy được người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phê duyệt.

Kho vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng được thiết kế, xây dựng theo tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực quân sự do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định; kho vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng được thiết kế, xây dựng theo tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực an ninh do Bộ trưởng Bộ Công an quy định;

c) Vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ được bảo quản trong kho, nơi cất giữ, phải sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng theo từng chủng loại, nhãn hiệu. Trường hợp vũ khí, công cụ hỗ trợ và đạn sử dụng cho các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ để cùng kho, nơi cất giữ phải sắp xếp độc lập; không để chung vật liệu nổ quân dụng với vũ khí, công cụ hỗ trợ trong cùng kho, nơi cất giữ.

2. Chế độ quản lý, bảo quản vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

a) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được trang bị, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải lập hồ sơ, sổ sách theo dõi; khi sử dụng phải được người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cho phép và ghi vào hồ sơ, sổ sách theo dõi; sau khi sử dụng phải bàn giao cho người được giao quản lý kho, nơi cất giữ để bảo dưỡng, bảo quản và ký nhận vào sổ theo dõi;

b) Hàng năm, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải có kế hoạch tổ chức kiểm tra kỹ thuật, đánh giá chất lượng, phân loại vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ được trang bị, sử dụng. Đối với vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ không còn khả năng sử dụng, hết hạn sử dụng phải báo cáo cơ quan trang bị, cấp giấy phép sử dụng giấy xác nhận đăng ký để thu hồi, thanh lý, tiêu hủy;

c) Định kỳ 06 tháng, 01 năm cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp giấy phép sử dụng giấy xác nhận đăng ký về tình hình, kết quả công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

d) Trường hợp mất vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ hoặc xảy ra sự cố đối với kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải có văn bản báo cáo ngay cơ quan đã cấp giấy phép, giấy xác nhận để có biện pháp xử lý theo quy định;

đ) Người được giao quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải thống kê, ghi chép đầy đủ vào sổ theo dõi việc cấp phát, tiếp nhận, thu hồi, điều chuyển, điều động, chuyển cấp, hư hỏng, mất, sửa chữa vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, có biện

pháp phòng chống han, gỉ, mối, mọt, ẩm, mốc, mất mát, cháy, nổ và các trường hợp nguy hiểm khác đối với vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; thực hiện vệ sinh trong, ngoài kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

Điều 5. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục làm mất tính năng, tác dụng và xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật

1. Trường hợp vũ khí, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng

a) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu làm mất tính năng, tác dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ phải lập hồ sơ đề nghị bao gồm: Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, trong đó nêu rõ lý do, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu, nguồn gốc, xuất xứ của từng loại vũ khí, công cụ hỗ trợ, thời gian, tên, địa chỉ tổ chức, doanh nghiệp làm mất tính năng, tác dụng. Người được cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cử đến liên hệ nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu và xuất trình một trong các giấy tờ sau: Thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Chứng minh Công an nhân dân hoặc giấy chứng minh do Quân đội nhân dân cấp còn giá trị sử dụng;

b) Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này lập thành 01 bộ và nộp tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc bộ, ngành ở trung ương; Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở địa phương; cơ quan có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản này phải có văn bản trả lời cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và gửi tổ chức, doanh nghiệp làm mất tính năng tác dụng của vũ khí, công cụ hỗ trợ để thực hiện, trong đó nêu rõ số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu, nguồn gốc, xuất xứ của từng loại vũ khí, công cụ hỗ trợ, thời gian, tên, địa chỉ tổ chức, doanh nghiệp làm mất tính năng, tác dụng; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do. Thời hạn làm mất tính năng, tác dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ là 30 ngày, kể từ ngày tổ chức, doanh nghiệp làm mất tính năng, tác dụng của vũ khí, công cụ hỗ trợ nhận được văn bản trả lời của cơ quan có thẩm quyền và vũ khí, công cụ hỗ trợ do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu làm mất tính năng tác dụng chuyển đến;

d) Sau khi vũ khí, công cụ hỗ trợ đã được làm mất tính năng, tác dụng thì tổ chức, doanh nghiệp đã làm mất tính năng, tác dụng phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản này; trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản này phải tiến hành kiểm tra, lập biên bản xác nhận về tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng và thực hiện việc cấp giấy phép sử dụng theo quy định.

2. Trường hợp vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng

a) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng có nhu cầu sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng và nộp tại cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Hồ sơ bao gồm: Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, trong đó nêu rõ lý do, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu, nguồn gốc, xuất xứ của từng loại vũ khí, công cụ hỗ trợ. Người được cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cử đến liên hệ nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu và xuất trình một trong các giấy tờ sau: Thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Chứng minh Công an nhân dân hoặc giấy chứng minh do Quân đội nhân dân cấp còn giá trị sử dụng;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều này phải tiến hành kiểm tra, lập biên bản xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng và thực hiện việc cấp giấy phép sử dụng theo quy định.

Điều 6. Thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy xác nhận, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

1. Thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép sử dụng, giấy xác nhận đăng ký đối với trường hợp không còn nhu cầu sử dụng, hết hạn sử dụng, không còn khả năng sử dụng hoặc không thuộc đối tượng được trang bị theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ thì cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đề nghị cơ quan trang bị, cấp giấy phép, giấy xác nhận đăng ký để thu hồi. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải thực hiện theo quy định sau:

a) Thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm thu hồi và cấp giấy phép vận chuyển từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đến địa điểm thu hồi;

b) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm vận chuyển vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ kèm theo giấy phép sử dụng, giấy xác nhận đăng ký (nếu có) đến địa điểm thu hồi theo thời gian thông báo;

c) Cơ quan có thẩm quyền thu hồi tiến hành kiểm tra, lập biên bản ghi rõ số lượng, chủng loại, số hiệu, ký hiệu, nhãn hiệu, nước sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ, tình trạng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và số lượng giấy phép kèm theo. Biên bản lập thành 02 bản, 01 bản giao cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, 01 bản lưu tại cơ quan có thẩm quyền thu hồi.

2. Thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy xác nhận đăng ký đối với trường hợp cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp giải thể, chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập thì cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trước khi giải thể, chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập phải lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đề nghị cơ quan trang bị, cấp giấy phép, giấy xác nhận đăng ký thu hồi. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải thực hiện việc thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp giải thể, chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập không đề nghị thu hồi thì cơ quan có thẩm quyền thu hồi có văn bản thông báo. Trường hợp không giao nộp theo thông báo, thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, lập biên bản thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy xác nhận đăng ký thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thu hồi giấy phép, giấy xác nhận đăng ký đối với trường hợp vũ khí, công cụ hỗ trợ bị mất hoặc giấy phép, giấy xác nhận đăng ký cấp không đúng thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đề nghị cơ quan trang bị, cấp giấy phép, giấy xác nhận đăng ký thu hồi. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải thực hiện theo quy định như sau:

a) Thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm thu hồi cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

b) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm mang giấy phép, giấy xác nhận đăng ký đến địa điểm thu hồi theo thời gian thông báo;

c) Cơ quan có thẩm quyền thu hồi tiến hành kiểm tra, lập biên bản ghi rõ số lượng, loại giấy phép, giấy xác nhận đăng ký. Biên bản lập thành 02 bản, 01 bản giao cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, 01 bản lưu tại cơ quan có thẩm quyền thu hồi.

4. Thu hồi giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ đối với trường hợp giấy chứng nhận, chứng chỉ đã cấp cho cá nhân trong trường hợp chuyển công tác khác, nghỉ hưu, thôi việc hoặc không còn đủ điều kiện theo quy định thì cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải thu hồi giấy chứng nhận, chứng chỉ và nộp cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp trước đó. Trình tự, thủ tục thu hồi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không thực hiện việc giao nộp vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, giấy phép, giấy xác nhận, giấy chứng nhận, chứng chỉ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này thì cơ quan có thẩm quyền thu hồi tiến hành kiểm tra, lập biên bản, tổ chức thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, giấy phép, giấy xác nhận, giấy chứng nhận, chứng chỉ và xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Sau khi cơ quan có thẩm quyền thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải tiến hành phân loại, bảo quản và đề nghị thanh lý, tiêu hủy theo quy định. Đối với giấy phép, giấy xác nhận, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, cơ quan đã cấp giấy phép, giấy xác nhận, giấy chứng nhận, chứng chỉ ra quyết định tiêu hủy và tổ chức tiêu hủy theo quy định.

Chương II
NGHIÊN CỨU, CHẾ TẠO, SẢN XUẤT, KINH DOANH, XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU, SỬA CHỮA VŨ KHÍ

Điều 7. Điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí đối với tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

1. Tổ chức, doanh nghiệp được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an giao kế hoạch hoặc nhiệm vụ nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí.

2. Bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa, ứng phó sự cố và bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

a) Có nội quy ra, vào tổ chức, doanh nghiệp, phương án bảo đảm an ninh, trật tự; kiểm soát phương tiện, đồ vật, hàng hóa được vận chuyển ra, vào tổ chức, doanh nghiệp; tổ chức lực lượng bảo vệ;

b) Có nội quy, trang bị đầy đủ phương tiện, tổ chức lực lượng, kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy, xây dựng phương án chữa cháy cơ sở; tổ chức diễn tập phương án ứng phó sự cố cháy, nổ và các biện pháp bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy theo quy định;

c) Thực hiện các biện pháp giảm thiểu, thu gom, xử lý nguyên liệu, phế thải và xử lý ô nhiễm môi trường tại chỗ; không để rò rỉ, phát tán độc hại ra môi trường; bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

3. Địa điểm chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với khu dân cư, công trình văn hóa, xã hội, lịch sử, khu vực bảo vệ, nơi cấm, khu vực cấm.

4. Có phương tiện, thiết bị phù hợp để kiểm tra, giám sát các thông số kỹ thuật và phục vụ công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm trong quá trình chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí; có nơi thử nghiệm riêng biệt (trừ nghiên cứu, chế tạo, sản xuất vũ khí thô sơ). Kho chứa thành phẩm phải bảo đảm an toàn theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

5. Chủng loại sản phẩm phải bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; sản phẩm vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao phải có nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu, nước sản xuất, năm sản xuất.

6. Người quản lý tổ chức, doanh nghiệp phải được huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, kỹ thuật an toàn, phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quá trình sản xuất, sửa chữa vũ khí.

7. Người lao động trực tiếp tham gia chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí phải được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa, ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí.

Điều 8. Điều kiện kinh doanh vũ khí đối với tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

1. Tổ chức, doanh nghiệp được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an giao kế hoạch hoặc nhiệm vụ kinh doanh vũ khí.

2. Bảo đảm các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

3. Kho, nơi cất giữ, phương tiện vận chuyển phục vụ hoạt động kinh doanh vũ khí phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa, ứng phó sự cố và bảo vệ môi trường theo quy định.

4. Người quản lý tổ chức, doanh nghiệp phải được huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, kỹ thuật an toàn, phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Điều 9. Tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí

1. Việc xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí đối với tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phải bảo đảm đủ điều kiện sau đây:

a) Tổ chức, doanh nghiệp được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an giao kế hoạch hoặc nhiệm vụ xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí;

b) Bảo đảm các điều kiện theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 8 Nghị định này trong quá trình xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí.

2. Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí

a) Tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có nhu cầu xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí phải lập hồ sơ đề nghị bao gồm: Văn bản đề nghị của tổ chức, doanh nghiệp và nêu rõ lý do; bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bản được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an giao kế hoạch hoặc nhiệm vụ xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí. Người được tổ chức, doanh nghiệp cử đến liên hệ nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu và xuất trình một trong các giấy tờ sau: Thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Chứng minh Công an nhân dân hoặc giấy chứng minh do Quân đội nhân dân cấp còn giá trị sử dụng;

b) Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này lập thành 01 bộ và nộp tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an; cơ quan có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định đối với tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản này có trách nhiệm cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí; trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí có thời hạn 90 ngày.

Trường hợp giấy phép hết thời hạn thì tổ chức, doanh nghiệp phải có văn bản đề nghị, trong đó nêu rõ lý do, thời gian xin gia hạn và gửi cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản này xem xét, quyết định.

Điều 10. Tổ chức, doanh nghiệp khác được tham gia nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí

1. Tổ chức, doanh nghiệp khác được tham gia nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí theo đơn đặt hàng của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an và phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Là tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Bảo đảm các điều kiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 7 Nghị định này.

2. Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu tham gia nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí phải lập 01 bộ hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an (đối với trường hợp theo đơn đặt hàng của Bộ Công an) hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (đối với trường hợp theo đơn đặt hàng của Bộ Quốc phòng) quyết định, hồ sơ bao gồm: Văn bản đề nghị; bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy tờ, tài liệu chứng minh năng lực, điều kiện để tham gia nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí. Người được tổ chức, doanh nghiệp cử đến liên hệ nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu và xuất trình một trong các giấy tờ sau: Thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, có văn bản thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp và tổ chức kiểm tra, đánh giá việc bảo đảm các điều kiện để tham gia nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí.

4. Sau khi kết thúc kiểm tra, đánh giá, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phải có văn bản đề xuất, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

hoặc Bộ trưởng Bộ Công an, trong đó nêu rõ lý do, điều kiện, năng lực, phạm vi tổ chức, doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cho phép tổ chức, doanh nghiệp được tham gia nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí. Sau khi có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này có văn bản thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp biết để tổ chức thực hiện. Trường hợp không đồng ý, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Điều 11. Trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp được nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, sửa chữa vũ khí

1. Duy trì thường xuyên, liên tục các điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa, ứng phó sự cố, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình hoạt động nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, sửa chữa vũ khí.

2. Chỉ được mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu, sửa chữa vũ khí theo giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí phải bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu, nước sản xuất, năm sản xuất đối với từng loại vũ khí.

Chương III
HUẤN LUYỆN VÀ CẤP, CẤP ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN SỬ DỤNG, CHỨNG CHỈ QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ QUÂN DỤNG, CÔNG CỤ HỖ TRỢ

Điều 12. Đối tượng huấn luyện, cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

1. Người được giao sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ phải được huấn luyện và được cấp Giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ.

2. Người quản lý tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, sửa chữa vũ khí và người được giao quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải được huấn luyện và được cấp Chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

3. Đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân đã được huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ không phải cấp Giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

4. Đối với sĩ quan, hạ sĩ quan Quân đội nhân dân, công nhân, viên chức quốc phòng đã được huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ không phải cấp giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; đối với cán bộ, chiến sĩ Dân quân tự vệ thực hiện việc huấn luyện và cấp giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật về Dân quân tự vệ.

5. Đối với người được giao quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để trưng bày, triển lãm hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật không phải huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ.

6. Đối với người được công nhận là huấn luyện viên, vận động viên trong thi đấu các môn có sử dụng vũ khí thể thao được miễn huấn luyện về kỹ năng sử dụng vũ khí thể thao.

7. Đối với người được giao sử dụng súng trung liên, súng chống tăng, súng phóng lựu, vũ khí hạng nhẹ, vũ khí hạng nặng, vật liệu nổ quân dụng phải được huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng trong Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ hoặc Công an nhân dân.

Điều 13. Yêu cầu, nội dung, thời gian, địa điểm, kinh phí tổ chức huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

1. Việc huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải bảo đảm phù hợp với nội dung đăng ký huấn luyện về đối tượng, chủng loại vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

2. Nội dung huấn luyện

a) Những quy định của pháp luật về công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

b) Cấu tạo, tính năng, tác dụng của từng loại vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

c) Công tác quản lý, bảo quản vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

d) Huấn luyện kỹ năng sử dụng đối với từng loại vũ khí, công cụ hỗ trợ.

3. Thời gian huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng là 10 ngày; quản lý, sử dụng vũ khí thể thao, vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ là 05 ngày làm việc; quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ là 05 ngày làm việc.

4. Địa điểm tổ chức huấn luyện phải có cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ phù hợp với công tác huấn luyện; bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường. Trường hợp huấn luyện, kiểm tra bắn đạn thật phải được tổ chức tại trường bắn theo quy định.

5. Kinh phí tổ chức huấn luyện do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị huấn luyện chịu trách nhiệm.

Điều 14. Tiêu chuẩn cán bộ huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

1. Phải có trình độ đại học Công an nhân dân trở lên hoặc trung cấp chuyên ngành quân khí trở lên.

2. Có kiến thức pháp luật, kỹ năng, chuyên môn kỹ thuật và kinh nghiệm thực tế 03 năm công tác trở lên trong lĩnh vực huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

Điều 15. Thẩm quyền huấn luyện, cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho các đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng

1. Thẩm quyền huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

a) Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an;

b) Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Cơ quan quản lý về trang bị và kho vận thuộc Bộ Công an;

d) Các học viện, trường Công an nhân dân, Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an nhân dân.

2. Thẩm quyền cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

a) Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an có thẩm quyền cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của bộ, ngành ở trung ương và doanh nghiệp do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự;

b) Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở địa phương.

Điều 16. Thủ tục huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho các đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng

1. Hồ sơ đề nghị huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

b) Giấy giới thiệu kèm theo bản sao một trong các giấy tờ sau: Thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ;

c) Danh sách cá nhân tham gia huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trong đó ghi rõ thông tin: Họ tên, ngày, tháng, năm sinh, vị trí công tác, trình độ chuyên môn, chức vụ; kèm theo 03 ảnh màu chụp kiểu chân dung cỡ 03 cm x 04 cm, mặc trang phục theo quy định (ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến ngày nhận hồ sơ).

2. Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này lập thành 01 bộ và nộp tại cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và tổ chức huấn luyện.

4. Việc tổ chức huấn luyện được thực hiện như sau:

a) Xây dựng kế hoạch và ra quyết định về việc mở lớp huấn luyện;

b) Bố trí cán bộ huấn luyện bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 14 Nghị định này;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định mở lớp huấn luyện, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị và tổ chức huấn luyện;

d) Trường hợp cơ quan quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 15 Nghị định này tổ chức huấn luyện thì sau khi ra quyết định về việc mở lớp huấn luyện phải có văn bản thông báo và kèm theo quyết định mở lớp cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này.

Điều 17. Kiểm tra, sát hạch cấp giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

1. Sau khi kết thúc huấn luyện, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này có trách nhiệm thành lập Hội đồng sát hạch, kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện để cấp giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

2. Trường hợp cơ quan quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 15 Nghị định này tổ chức huấn luyện, thì sau khi kết thúc huấn luyện, phải có văn bản đề nghị và kèm theo danh sách, ảnh cá nhân tham gia huấn luyện gửi cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này để tổ chức kiểm tra, sát hạch. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này có trách nhiệm thành lập Hội đồng sát hạch, kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện để cấp giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

3. Thành lập Hội đồng sát hạch

a) Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an ra quyết định thành lập Hội đồng sát hạch gồm lãnh đạo Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội là Chủ tịch hội đồng; đại diện Phòng hướng dẫn quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo; đại diện cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị huấn luyện; đại diện cơ quan tổ chức huấn luyện (nếu có) là thành viên hội đồng;

b) Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định thành lập Hội đồng sát hạch gồm lãnh đạo Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội là Chủ tịch hội

đồng; đại diện Đội đăng ký, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu; đại diện cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị huấn luyện; đại diện cơ quan tổ chức huấn luyện (nếu có) là thành viên hội đồng.

4. Nội dung kiểm tra, sát hạch

a) Kiểm tra lý thuyết

Cá nhân được huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải làm bài thi trắc nghiệm trong thời gian 40 phút; bài thi trắc nghiệm gồm 30 câu hỏi về các quy định của pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; số điểm tối đa bài thi trắc nghiệm là 30 điểm.

b) Kiểm tra thực hành

Cá nhân được huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ phải thực hiện kỹ năng, thao tác, tháo lắp, bảo dưỡng và cách sử dụng từng loại vũ khí, công cụ hỗ trợ. Thời gian kiểm tra căn cứ vào thực tế và Hội đồng sát hạch trực tiếp đánh giá kết quả kiểm tra.

c) Kiểm tra bắn đạn thật

Cá nhân được huấn luyện về sử dụng vũ khí, súng bắn đạn cao su phải được tổ chức kiểm tra bắn 03 viên đạn thật tính điểm tại trường bắn theo quy định.

5. Đánh giá kết quả kiểm tra, sát hạch

Cá nhân đạt yêu cầu khi có kết quả kiểm tra lý thuyết từ 25 điểm trở lên, đạt yêu cầu kiểm tra thực hành và kiểm tra bắn đạn thật tính điểm 03 viên từ 15 điểm trở lên.

Điều 18. Cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

1. Cấp giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, sau khi kết thúc kiểm tra, sát hạch, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho các cá nhân có kết quả đạt yêu cầu; đối với cá nhân không đạt yêu cầu, gửi thông báo kết quả kiểm tra, sát hạch cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị huấn luyện;

b) Giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ có giá trị trong thời hạn 03 năm.

2. Cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

a) Giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ hết hạn thì được cấp đổi và thực hiện theo trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

b) Giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ bị hỏng hoặc mất thì được cấp lại. Hồ sơ đề nghị cấp lại bao gồm: Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nêu rõ lý do; danh sách, ảnh cá nhân theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định này. Hồ sơ lập thành 01 bộ và nộp tại cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ trước đó.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan đã cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ có trách nhiệm kiểm tra, xem xét và cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; trường hợp không cấp, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Giấy chứng nhận, chứng chỉ được cấp lại giữ nguyên thời hạn như giấy chứng nhận, chứng chỉ đã cấp trước đó;

c) Trường hợp đề nghị cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ bị hỏng hoặc hết hạn, thì cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải nộp lại giấy chứng nhận, chứng chỉ đã được cấp trước đó.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ CÔNG TÁC KIỂM TRA VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ QUÂN DỤNG, CÔNG CỤ HỖ TRỢ

Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm.

2. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và quy định khác của pháp luật có liên quan, bao gồm:

a) Kiến nghị Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng và công cụ hỗ trợ phù hợp quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; vận động thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

c) Ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo thẩm quyền;

d) Ban hành biểu mẫu phục vụ công tác đăng ký, quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý;

đ) Tổ chức đăng ký, cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép, giấy xác nhận, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo thẩm quyền;

e) Phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

g) Quy định việc trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ trong Công an nhân dân; phối hợp với Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành có liên quan quy định việc trang bị, quản lý, sử dụng, sửa chữa, vận chuyển, phân loại, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho các đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

h) Tổ chức thực hiện việc thu hồi, phân loại, bảo quản, chuyển loại, thanh lý, tiêu hủy đối với vũ khí, công cụ hỗ trợ do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an giao nộp;

i) Biên soạn nội dung, chương trình huấn luyện; tổ chức đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và cấp giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

k) Kiểm tra việc quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

l) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ trong Công an nhân dân;

m) Thống kê, tổng hợp tình hình, kết quả về công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo thẩm quyền;

n) Thực hiện kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; khen thưởng và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

Điều 20. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

2. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và quy định khác của pháp luật có liên quan, bao gồm:

a) Kiến nghị Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng và công cụ hỗ trợ phù hợp quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

b) Thực hiện quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

c) Quy định việc trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ, Cảnh sát biển và lực lượng Cơ yếu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

d) Tổ chức đào tạo, huấn luyện bồi dưỡng về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi các loại giấy phép, giấy xác nhận, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

đ) Tiếp nhận, xử lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ quân dụng do cơ quan Công an hoặc tổ chức, cá nhân giao nộp;

e) Ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo thẩm quyền;

g) Phối hợp với Bộ Công an trong việc sửa chữa, chuyển loại, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

Điều 21. Trách nhiệm của các bộ, ngành có liên quan

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an thực hiện việc trang bị, quản lý, sử dụng, sửa chữa, vận chuyển, phân loại, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã được trang bị cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an thực hiện chức năng quản lý nhà nước về vật liệu nổ quân dụng trong nghiên cứu khoa học và công nghệ.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy phép quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; tuyên truyền, vận động nhân dân phát hiện, giao nộp vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

5. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ trong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh.

6. Các bộ, ngành có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quy định cụ thể việc quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ; cung cấp số liệu phục vụ thống kê nhà nước và thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc nội dung quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

2. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

3. Thực hiện kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; khen thưởng và xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

Điều 23. Kiểm tra công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

1. Cơ quan Công an có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an định kỳ không quá một lần trong một năm hoặc đột xuất.

Việc kiểm tra đột xuất chỉ được thực hiện khi phát hiện cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được phép trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc có đơn khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ hoặc theo yêu cầu công tác bảo đảm an ninh, trật tự.

2. Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra có trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm tra và thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trước khi tổ chức thực hiện việc kiểm tra; trường hợp kiểm tra đột xuất không phải thông báo trước nhưng phải nêu rõ lý do.

3. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được kiểm tra phải chuẩn bị đầy đủ các nội dung kiểm tra đã được thông báo và bố trí người có thẩm quyền, trách nhiệm để làm việc với cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.

4. Việc kiểm tra định kỳ, đột xuất về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải lập biên bản theo quy định.

5. Cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

2. Bãi bỏ Nghị định số 25/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; Nghị định số 26/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền và kinh phí phục vụ việc tiếp

nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số 76/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc